BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TIÊU CHUẨN 6

TIÊU CHÍ 6.3

Minh chứng: H6.06.03.01

Tên minh chứng: Chiến lược phát triển trường ĐH Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 – 2030 tầm nhìn 2045

CÁC TÀI LIỆU TRONG MINH CHỨNG

TT	Tên tài liệu (Tên văn bản/báo cáo/bảng biểu)	Trang
1	Chiến lược phát triển trường ĐH Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 – 2030 tầm nhìn 2045	1-38

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

HÀ NỘI – 9/2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45 /NQ-HĐT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 393/TTr-MĐC ngày 14/6/2021 của Hiệu trưởng về việc thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 28/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/h);
- HUMG E-OFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Trần Xuân Trường

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU 1
2. BỐI CẢNH, THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC 1
2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước 1
2.2. Thời cơ và thách thức 3
3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN 4
4. TRIẾT LÝ, SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI 5
4.1. Triết lý 5
4.2. Sứ mạng 5
4.3. Tầm nhìn 5
4.4. Giá trị cốt lõi 5
5. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 5
5.1. Mục tiêu chung 5
5.2. Mục tiêu cụ thể 5
6. GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC 9
6.1. Đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục 9
6.2. Khoa học - công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế 9
6.3. Tổ chức - Cán bộ 10
6.4. Cơ sở vật chất, dự án và tài chính 11
7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 12
7.1. Hội đồng trường 12
7.2. Ban Giám hiệu 12
8. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO 14
8.1. Phụ lục 1: Các chỉ tiêu cơ bản của của chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 15
8.2. Phụ lục 2: Quyết định về việc thành lập Trường Đại học Mỏ - Địa chất 25
8.3. Phụ lục 3: Quyết định về việc thành lập Ban và các Tiểu ban xây dựng chiến lược Trường Đại học Mỏ - Địa chất 27
8.4. Phụ lục 4: Một số quyết định và hình ảnh khu đô thị đại học 34

1. MỞ ĐẦU

Ngày 08 tháng 8 năm 1966 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 147/QĐ-CP thành lập Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên cơ sở Khoa Mỏ - Địa chất của trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Ngày 31 tháng 8 năm 1966 tại làng Bút Tháp thuộc xã Đình Tổ - Thuận Thành - Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh), đồng chí Đặng Xuân Đỉnh thay mặt Ban trù bị tổ chức cuộc họp công bố quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Ngày 15 tháng 11 năm 1966 Trường Đại học Mỏ - Địa chất chính thức khai giảng khóa học đầu tiên. Kể từ thời điểm đó, ngày 15 tháng 11 hàng năm được lấy làm Ngày Truyền thống của Trường.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã khẳng định phương hướng phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất là trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn vào năm 2030; có bước đột phá về chất lượng, hiệu quả đào tạo và nghiên cứu khoa học; có lộ trình cụ thể và thực hiện những bước đi đầu tiên để phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất thành ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU vào năm 2030 theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, đạt trình độ ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, góp phần đưa hệ thống giáo dục đại học Việt Nam hội nhập quốc tế. Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 nhằm quán triệt và cụ thể hoá các chủ trương, định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. BỐI CẢNH, THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đã trở thành xu thế của thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra các cơ hội và thách thức mới với các nước trên thế giới. Biến đổi khí hậu, sự nóng lên toàn cầu, nước biển dâng sẽ đặt ra nhiều thách thức mới cho phát triển bền vững.

Toàn cầu hóa kinh tế và kinh tế tri thức phát triển mạnh, do đó con người và tri thức trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Cùng với đó, quá trình toàn cầu hoá trong giáo dục đại học cũng đang diễn ra mạnh mẽ, hướng đến việc trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, sinh viên, công nhận bằng cấp đào tạo, chuyển đổi tín chỉ giữa các hệ thống giáo dục; triển khai và công bố các kết quả nghiên cứu chung giữa các nhà khoa học; tạo sự liên thông, hợp tác cùng phát triển giữa các đại học ở nhiều quốc gia khác nhau.

Các cơ sở giáo dục đại học hiện nay không chỉ thực hiện nhiệm vụ truyền thống là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến, mà còn chú trọng chuyển giao tri thức, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng. Nhiều mô hình hợp tác đại học - doanh nghiệp đã thành công nhờ việc triển khai một cách sáng tạo các hoạt động phát triển tiềm lực của mỗi bên.

2.1.2. Bối cảnh trong nước

Sau 35 năm đổi mới (1986 - 2021), thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều và tích lũy thêm kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới ngày càng đã được khẳng định. Công cuộc xây dựng chỉnh đốn Đảng, phòng, chống suy thoái, tham nhũng, lãng phí tiếp tục được đẩy mạnh, đảm bảo ổn định chính trị và phát triển bền vững đất nước. Nước ta vẫn đang đứng trước nhiều thách thức như: năng suất lao động thấp, việc tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mới bắt đầu, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng năng lượng còn nhiều hạn chế, công nghệ lạc hậu, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gia tăng, bất ổn định ở khu vực tiếp tục tác động đến phát triển đất nước.

Trong những năm qua, giáo dục đại học ở nước ta có nhiều phát triển, góp phần đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, giáo dục đại học chủ yếu phát triển về quy mô, chưa chú trọng nhiều đến chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được ưu tiên đầu tư đúng mức, đào tạo chưa thực sự gắn với nghiên cứu khoa học và yêu cầu của thị trường lao động. Nghiên cứu khoa học có ít sản phẩm khoa học và công nghệ đỉnh cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII thì một trong các đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 là tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam; Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. Như vậy, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội.

Giai đoạn 2021 - 2030, sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước. Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; là giai đoạn Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại Khu đô thị Đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để sớm phát triển thành một ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, đa ngành, đa lĩnh vực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vào năm 2030. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Trong giai đoạn tới, Trường Đại học Mỏ - Địa chất có nhiều cơ hội để phát triển như cơ hội nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học; các tổ chức nghiên cứu khoa học trong Nhà trường được hoàn chỉnh về mô hình, tổ chức và có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ nhu cầu xã hội. Trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ được nâng cao theo hướng chuyên môn hóa, uy

tín và thương hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất về đào tạo và nghiên cứu khoa học được khẳng định ở trong nước, khu vực và một phần ở quy mô quốc tế.

2.2. Thời cơ và thách thức

2.2.1. Thời cơ

Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó nhấn mạnh mục tiêu tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân; giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả; xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc; phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Ngày 15/01/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 69/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025 với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của hệ thống giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh của quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử, chuyển đổi số đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

2.2.2. Thách thức

Trong thời gian tới, cùng với những thuận lợi, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng sẽ phải vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Đó là cơ cấu của một ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU chưa được định hình. Các đơn vị dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ còn hạn chế. Số lượng cán bộ khoa học có khả năng hội nhập quốc tế chưa nhiều, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu đào tạo chất lượng cao. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu cho các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu theo tiêu chuẩn chất lượng cao. Chính sách ưu tiên đầu tư của Nhà nước cho các trường đại học có xu hướng giảm để phát huy quyền tự chủ của các trường đại học cũng là một thách thức mà chúng ta phải vượt qua để có thể biến thách thức thành cơ hội phát triển.

Sự dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu lao động do những biến đổi nhanh chóng của nhu cầu xã hội đòi hỏi phải chuyển dịch nhanh chóng cơ cấu đào tạo, đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo. Sự mở rộng hệ thống các trường đại học và gia tăng mạnh mẽ quy mô đào tạo của mạng lưới các trường đại học dẫn tới sự cạnh tranh giáo dục ngày càng gay gắt dẫn tới hậu quả trường nào chậm chuyển đổi cơ cấu và chất lượng kém sẽ bị loại trừ. Sự kém hấp dẫn của ngành nghề truyền thống đối với người học và đãi ngộ kém đối với nguồn nhân lực được đào tạo cho các ngành này làm cho việc tuyển sinh và đào tạo ngày càng khó khăn. Những hạn chế về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học làm giảm chất lượng đào tạo và tính cạnh tranh của Nhà trường đối với các cơ sở giáo dục đại học khác và khó thu hút được người học. Sự chậm chễ trong sự thay đổi tư duy, điều chỉnh chính sách, thay đổi chương trình, phương thức đào tạo và mở rộng ngành nghề đào tạo thích ứng với sự thay đổi mạnh mẽ của khoa học công nghệ, trong đó có Cách mạng công nghiệp 4.0 đã ảnh hưởng lớn tới công tác tuyển sinh, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Khả năng kết nối và liên kết quốc tế còn hạn chế dẫn tới sự tụt hậu về hội nhập quốc tế, lạc hậu về chương trình đào tạo và kém hấp dẫn đối với thị trường đào tạo. Làn sóng tự chủ đại học và xu thế liên kết, sáp nhập và giải thể các trường đại học là thách thức to lớn đối với Nhà trường.

Nếu không có sự thay đổi nhanh chóng, trong đó có việc hoạch định một chiến lược phát triển mới của Nhà trường, chuẩn bị tâm thế và cơ sở kiến thức cho việc tự chủ đại học, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế đồng bộ để nâng cao công tác quản trị Nhà trường, tinh giản và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, giảng viên; đa dạng cơ cấu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng nghiên cứu khoa học… thì Nhà trường khó có thể chuyển mình nhanh chóng theo xu thế xã hội và đáp ứng được nhu cầu thực tế.

3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy trường và Hội đồng trường, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội trong thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường.

- Nhà trường giữ vai trò kiến tạo và hỗ trợ thông qua việc xây dựng chính sách, tạo môi trường thuận lợi để phát triển các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường.

- Phát huy hiệu quả nguồn lực con người, cơ sở vật chất, tài chính của Nhà trường. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức - công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- Gắn kết giữa Nhà trường và tổ chức sử dụng lao động trong toàn bộ hoạt động của Nhà trường. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, công khai, minh bạch các điều kiện này để người học và xã hội biết, giám sát.

- Mở rộng quan hệ, hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới, nhất là với các nền giáo dục tiên tiến, hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng cao.

4. TRIẾT LÝ, SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

4.1. Triết lý

"NHÂN VĂN - KHAI PHÓNG - HỘI NHẬP"

- Nhân văn: Trường Đại học Mỏ - Địa chất đào tạo người học vừa có kiến thức chuyên sâu, có khát vọng vươn lên, có phẩm giá tình cảm, văn hóa tốt.

- Khai phóng: Trường Đại học Mỏ - Địa chất cung cấp, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng toàn diện, năng lực thích ứng linh hoạt trong bất cứ môi trường làm việc nào, có đạo đức tốt, phát triển phong cách và lối sống có trách nhiệm xã hội.

- Hội nhập: Tăng cường kết nối giữa Nhà trường với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiếp thu các chuẩn mực, giá trị văn hóa, sản phẩm khoa học tiến bộ của thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường.

4.2. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức - công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

4.3. Tầm nhìn

Đến năm 2030, trở thành đại học đa ngành định hướng nghiên cứu, có uy tín trong nước và quốc tế.

4.4. Giá trị cốt lõi

"ĐOÀN KẾT - LIÊM CHÍNH - TRÁCH NHIỆM - SÁNG TẠO - CHẤT LƯỢNG"

- Đoàn kết: Gắn kết thành một tập thể thống nhất vì sự phát triển.

- Liêm chính: Tuân thủ nguyên tắc, trung thực, công bằng và khách quan.

- Trách nhiệm: Mang lại sự phát triển bền vững cho các bên liên quan.

- Sáng tạo: Thúc đẩy việc tạo ra giá trị mới, hữu ích cho xã hội.

- Chất lượng: Tạo ra nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học - công nghệ chất lượng cao.

5. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

5.1. Mục tiêu chung

- Đến năm 2030: là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tự bảo đảm chi thường xuyên.

- Đến năm 2045: là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ hàng đầu trong khu vực, đạt chuẩn kiểm định quốc tế, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

5.2. Mục tiêu cụ thể

5.2.1. Giai đoạn 2021 - 2025

a) Đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục

+ Tổng số chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học từ 03 chương trình trở lên. Số lượng mở mới ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học giai đoạn 2021 - 2025 đạt tối thiểu 20 ngành.

+ Tỷ lệ kiểm định ngành đào tạo đại học đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, khu vực và quốc tế từ 50% trở lên.

+ Tỷ lệ ngành đang đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ so với tổng số ngành đang đào tạo cấp bằng từ 60% trở lên.

+ Quy mô tuyển sinh bậc đại học ổn định và đạt từ 2000 đến 2500 sinh viên đại học hệ chính quy/năm; bậc sau đại học mỗi năm tuyển sinh từ 500 học viên cao học và 10 nghiên cứu sinh trở lên.

+ Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm từ 90 đến 95%; tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành sau khi tốt nghiệp 6 tháng tối thiểu là 70%.

+ Triển khai đào tạo Blended learning cho các học phần chung trong toàn Trường.

+ Có tối thiểu 1 chương trình đào tạo tiên tiến hoặc liên kết đào tạo quốc tế được triển khai xây dựng và vận hành

+ Phấn đấu đạt tỷ lệ các môn học có thể tiến hành khảo thí đạt 100% trong nửa đầu của nhiệm kỳ 2021 - 2025. Xây dựng quy định nhằm nâng cao hiệu quả và sự linh hoạt trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong. Tiêu chuẩn, quy trình hóa 95% các hoạt động của Nhà trường để hệ thống bảo đảm chất lượng vận hành theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng trường và chương trình đào tạo. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đầu vào và cải thiện tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt 80 - 90%.

b) Khoa học - công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế

+ Số lượng nhóm nghiên cứu mạnh tối thiểu 6 nhóm.

+ Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus bình quân hàng năm từ 100 bài trở lên. Tỷ lệ trung bình số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus đối với mỗi giảng viên cơ hữu tối thiểu 0,2 bài/giảng viên/năm. Chú trọng sở hữu trí tuệ, bằng giải pháp hữu ích, sáng chế.

+ Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường mỗi năm tăng 2%. Đến năm 2025, tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường chiếm tối thiểu 15%.

+ Hàng năm có ít nhất 10 giảng viên được đi đào tạo ở nước ngoài bằng các hình thức khác nhau.

+ Hàng năm tối thiểu có 2 chương trình hợp tác mới được ký kết và triển khai và 2 hội nghị quốc tế được Nhà trường tổ chức hoặc đồng tổ chức.

+ Xây dựng quan hệ hợp tác với 5 đối tác mới; đón 5 đoàn sinh viên hoặc nghiên cứu sinh đến làm việc tại trường; có tối thiểu 2 doanh nghiệp nước ngoài đến làm việc tại

trường về tài trợ và cung cấp việc làm cho sinh viên; mời được tối thiểu 200 doanh nghiệp về tuyển dụng và hướng nghiệp cho sinh viên dưới các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.

+ Phấn đấu có ít nhất 2 phòng thí nghiệm được xây dựng hoặc nâng cấp từ các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

+ Xây dựng được không gian sáng tạo cho người học và cán bộ, viên chức, có khả năng phục vụ tối thiểu 100 người /lượt.

+ Mỗi năm có ít nhất 10 ý tưởng sáng tạo của người học và cán bộ, viên chức được hình thành và có ít nhất 01 ý tưởng được ươm mầm để chuyển sang giai đoạn startup.

+ Phát triển tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI.

c) Tổ chức - Cán bộ

+ Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu đạt tối thiểu 60%; Tỷ lệ giảng viên có chức danh GS, PGS trên tổng giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ đạt tối thiểu 20%.

+ 100% cán bộ, viên chức diện quy hoạch được bồi dưỡng để đáp ứng đủ điều kiện tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức vụ được quy hoạch. 100% cán bộ, viên chức được tạo điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệm vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Tỷ lệ giảng viên giảng dạy bằng tiếng nước ngoài đạt 15% trở lên. Tỷ lệ giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học đạt 100%.

+ Thành lập tối thiểu 01 trường và 01 Viện thuộc Nhà trường. Thành lập tối thiểu 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

+ Thành lập mới ít nhất 02 trung tâm/công ty tự chủ trong trường và đem về nguồn thu cho Nhà trường từ các hoạt động tự chủ từ năm 2022.

d) Cơ sở vật chất, dự án và tài chính

+ Xây dựng Đề án lộ trình hiện đại hóa cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó có một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn khu vực.

+ Đồng bộ hóa quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu A1 với khu chức năng xây dựng trường học 06.CQ3 và 06.CQ3.CL.

+ Thu nhập bình quân cán bộ, viên chức trong trường mỗi năm tăng tối thiểu 10%.

+ Giá trị đầu tư CSVC cho 01 sinh viên đạt tối thiểu 3 triệu đồng/sinh viên/năm.

5.2.2. Giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục

+ Quy mô tuyển sinh các hệ đào tạo giai đoạn 2025 - 2030 tăng 2 ÷ 5%/năm và giai đoạn 2030 - 2045 tăng tối thiểu 2,5%/năm.

+ Tỷ trọng quy mô tuyển sinh sau đại học đạt tối thiểu 20%/năm.

+ Tỷ lệ kiểm định ngành đào tạo đại học theo tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, khu vực và quốc tế so với tổng số ngành đào tạo đại học của Nhà trường đạt tối thiểu 50% vào năm 2030 và đạt tối thiểu 75% vào năm 2045.

+ Tỷ lệ kiểm định ngành đào tạo sau đại học theo tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, khu vực và quốc tế so với tổng số ngành đào tạo sau đại học của Nhà trường đạt tối thiểu 10% vào năm 2030 và đạt tối thiểu 15% vào năm 2045.

+ Tỷ lệ ngành đang đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ so với tổng số ngành đang đào tạo cấp bằng đạt 70% vào năm 2030 và đạt 80% vào năm 2045.

+ Số lượng ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ đạt tối thiểu 20 ngành vào năm 2030 và đạt tối thiểu 26 ngành vào năm 2045.

+ Số lượng bằng tiến sĩ tối thiểu cấp 25 bằng vào năm 2030 và 30 bằng vào năm 2045.

+ Số lượng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học đạt tối thiểu 10 chương trình vào năm 2030 và 16 chương trình vào năm 2045.

+ Số lượng mở ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học đạt 5 ÷ 10 ngành/năm.

b) Khoa học - công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế

+ Số lượng nhóm nghiên cứu mạnh tối thiểu 12 nhóm.

+ Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường duy trì tối thiểu 15%/năm.

+ Tổng số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus giai đoạn 2025 - 2030 duy trì tối thiểu 200 ÷ 250 bài/năm và giai đoạn 2030 - 2045 duy trì tối thiểu 250 ÷ 350 bài/năm.

+ Tỷ lệ sinh viên người nước ngoài đến học tập và trao đổi khoa học so với tổng số sinh viên của Nhà trường đạt 2% ÷ 4%/năm.

- Phát triển Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất của Nhà trường đạt chuẩn SCOPUS trong giai đoạn 2025 - 2030 và đến năm 2045 đạt chuẩn ISI.

c) Tổ chức - Cán bộ

+ Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ so với tổng số giảng viên cơ hữu đạt tối thiểu 70% vào năm 2030 và đạt tối thiểu 75% vào năm 2045.

+ Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên cơ hữu đảm bảo không quá 20 sinh viên/giảng viên.

+ Tỷ lệ giảng viên có chức danh GS, PGS so với tổng giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ đảm bảo tối thiểu 20%.

+ Thành lập tối thiểu 1 viện và 2 trường trong giai đoạn 2025 - 2030; giai đoạn 2030 - 2045 thành lập thêm tối thiểu 1 viện.

+ Phấn đấu thành lập thêm tối thiểu 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Cơ sở vật chất, dự án và tài chính

+ Thu nhập bình quân cán bộ, viên chức trong trường đảm bảo tăng tối thiểu 10 ÷ 12%/năm.

+ Giá trị đầu tư CSVC cho 01 sinh viên đạt tối thiểu 5 triệu đồng/sinh viên/năm đến năm 2030 và tối thiểu 12 triệu đồng/sinh viên/năm đến năm 2045.

+ Hoàn thành việc xây dựng Trường tại khu đô thị đại học.

+ Diện tích đất tối thiểu cho 01 sinh viên đạt 7 ÷ 12 m^2/sinh viên.

6. GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

6.1. Đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục

- Tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện.

- Áp dụng một số giải pháp phù hợp và đồng bộ để nâng cao chất lượng tuyển sinh của các bậc học.

- Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong nước và tiếp cận với trình độ của các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực.

- Mở mới các ngành đào tạo theo nhu cầu xã hội và xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng liên ngành, các chương trình đào tạo chất lượng cao và các chương trình đào tạo tiên tiến phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và học. Kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với bồi dưỡng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc theo nhóm và năng lực lãnh đạo cho người học.

- Nâng cao năng lực tự học, khả năng làm việc độc lập và các kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, bài giảng.

- Hàng năm thực hiện việc kiểm định các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Cải tiến và triển khai có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo theo quy định.

6.2. Khoa học - công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế

- Xây dựng, tổ chức lại hệ thống các đơn vị nghiên cứu trong Nhà trường: Viện nghiên cứu, Trung tâm, Công ty, Nhóm nghiên cứu.

- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu để hình thành các nhóm nghiên cứu và trường phái khoa học mạnh; Tạo dựng môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp và có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút các chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế đến làm việc tại Trường; Tái cấu trúc, đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các phòng thí nghiệm và cơ sở phục vụ nghiên cứu đạt chuẩn quốc gia và quốc tế;

- Xây dựng chính sách khoa học công nghệ phù hợp với định hướng mô hình đại học nghiên cứu, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể về khoa học công nghệ trong đó thể hiện được các lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn trong nghiên cứu.

- Tập trung đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học công nghệ thông qua các đơn vị nghiên cứu như Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu, giảm dần kinh phí đầu tư các cho đề tài dự án nhỏ, lẻ, rời rạc; Gắn kết trong quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm với

các Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu; Giao tự chủ hoạt động cho các Viện nghiên cứu, Trung tâm/Phòng thí nghiệm; Xây dựng cơ chế và đẩy mạnh tìm kiếm, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho hoạt động khoa học công nghệ.

- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ tìm kiếm và đấu thầu các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

- Xác định các hướng nghiên cứu mới mang tính chiến lược của Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Đẩy mạnh hợp tác khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân; Xây dựng và phát triển các mạng lưới nghiên cứu trong nước và quốc tế; Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

- Ưu tiên đầu tư cho các đề tài nghiên cứu, dự án giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn liên quan đến ngành nghề đào tạo của Nhà trường.

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các trường, các công ty và tổ chức của các quốc gia nhằm hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, xây dựng lực lượng cán bộ nghiên cứu khoa học trình độ cao từ kết quả của các chương trình trao đổi giáo viên, nghiên cứu viên

- Duy trì tổ chức các Hội nghị khoa học quốc tế, nâng cao chất lượng của các Hội nghị với các ấn phẩm khoa học đi kèm đạt tiêu chuẩn của các nhà xuất bản danh tiếng, là địa chỉ tin cậy của các nhà khoa học trong khu vực và trên thế giới

6.3. Tổ chức - Cán bộ

- Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị (Khoa, phòng ban, trung tâm, công ty ...) theo hướng tinh gọn, cơ cấu hợp lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học - công nghệ tiên tiến, áp dụng các tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh thực hiện tự chủ, đổi mới quản trị Nhà trường gắn với cơ chế quản lý và giám sát hiệu quả. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp nhất trung tâm nghiên cứu thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, chuyển các doanh nghiệp có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

- Hoàn thiện các quy định về tổ chức hoạt động, chức năng nhiệm vụ các đơn vị phù hợp với xu thế phát triển từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất lên Đại học Mỏ - Địa chất theo hướng tăng cường minh bạch, công khai, dân chủ, hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế, phương thức tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, viên chức. Xây dựng chiến lược, chính sách thu hút nhân tài, thu hút đội ngũ viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có trọng tâm, trọng điểm vào làm việc trong đơn vị. Xây dựng môi trường làm việc độc lập, cạnh tranh, sáng tạo.

- Triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng như về các hoạt động của Nhà trường nhằm cải tiến phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Nhà trường, nâng cao ý thức trách nhiệm của giảng viên và ý thức tự học, chủ động sáng tạo của sinh viên trong quá trình đào tạo. Lấy

ý kiến góp ý của giảng viên đối với cán bộ viên chức trong quá trình thực thi công vụ. Lấy ý kiến góp ý của các tổ chức sử dụng lao động đối với các hoạt động của Nhà trường

- Ưu tiên duy trì, thu hút đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, tâm huyết với nghề.

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, có bản lĩnh. Cán bộ, viên chức hội đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đủ các yếu tố cần thiết về thái độ nghề nghiệp, có năng lực ứng xử, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong làm việc, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân … và tính năng động, tự lực cao, đáp ứng những yêu cầu đặt ra đối với người lao động trong xã hội công nghiệp

- Có chế độ, chính sách thích đáng đối với đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ, ưu tiên cho cán bộ trẻ đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao của Nhà trường.

- Tăng cường thực hiện đào tạo lại, hỗ trợ thích hợp đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể các đơn vị.

- Tổ chức thi tuyển và thực hiện thuê giám đốc điều hành tại các trung tâm, công ty trực thuộc.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền cho cán bộ, viên chức đảm bảo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hài hòa lợi ích. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức. Phân định rõ việc quản lý Trường với quản trị tại các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Trường.

- Thống nhất danh mục vị trí việc làm với bản mô tả công việc, ban hành khung năng lực theo vị trí việc làm. Thực hiện phân loại viên chức theo vị trí việc làm và sắp xếp, bố trí lại số lượng, cơ cấu viên chức phù hợp vị trí việc làm. Chuẩn hóa hệ thống tiêu chuẩn chức danh cán bộ, viên chức. Triển khai khoán quỹ lương, quỹ thu nhập tăng thêm, quỹ phúc lợi theo vị trí việc làm gắn với định biên nhân lực tại đơn vị. Xây dựng thang lương, bảng lương, áp dụng hình thức trả lương 3P gắn với vị trí công việc, năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

- Xây dựng, hoàn thiện tiêu chí cụ thể điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các khoa, trung tâm, viện nghiên cứu. Sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trung tâm hoạt động không hiệu quả. Sắp xếp, tổ chức lại, tập trung xây dựng một số trung tâm, viện nghiên cứu trọng điểm để tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng văn minh, văn hóa công sở; đề cao tinh thần phục vụ và trách nhiệm trong công việc của cán bộ, viên chức và người lao động.

6.4. Cơ sở vật chất, dự án và tài chính

- Đề xuất điều chỉnh khung học phí trong điều kiện tự chủ hoàn toàn kết hợp với việc triển khai một cách triệt để các chính sách liên quan đến tín dụng đào tạo, cấp học bổng, miễn giảm học phí.

- Ký kết hợp đồng liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, các công ty lớn và các địa phương... giúp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương và mang lại nguồn thu từ các hoạt động này.

- Tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ - kinh doanh. Tận dụng cơ sở vật chất hiện có, tăng cường liên doanh, liên kết, cho thuê cơ sở vật chất nhằm tăng nguồn thu cho Trường.

- Đề xuất các dự án, đề án thu hút và đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất trường học, thư viện, phòng thí nghiệm…

- Xây dựng phương án phân bổ kinh phí từ các nguồn đảm bảo thực hiện chiến lược của Trường phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tăng cường tự chủ cho các đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các đơn vị tự chủ trong mọi hoạt động, tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động. Khoán kinh phí hoạt động về các đơn vị trong Trường.

- Thực hiện kiểm toán độc lập để đảm bảo hoạt động tài chính đúng quy định của Nhà nước, thực hiện đúng theo định hướng chiến lược của Nhà trường.

- Đẩy nhanh và liên tục công tác triển khai các dự án, chỉnh trang các tòa nhà hiện có tại khu A, khu B đáp ứng hoạt động học tập và giáo dục tại Nhà trường. Đầu tư có chiều sâu trang thiết bị tiện ích và điều kiện tốt phục vụ hiệu quả học tập và giáo dục tại các phòng học.

- Quy hoạch lại hệ thống các phòng thí nghiệm, thực nghiệm. Đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm, tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học định hướng hiện đại và chuyên sâu theo lĩnh vực đào tạo của Nhà trường đạt tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Tăng cường huy động các nguồn lực tài chính, nguồn vốn xã hội hóa nhằm thực hiện các hoạt động, dự án của Trường.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Hội đồng trường

- Chỉ đạo tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển 05 năm và hàng năm để xác định các chỉ tiêu cụ thể phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược.

- Kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược của đơn vị phù hợp với định hướng và các nội dụng của Chiến lược phát triển Nhà trường.

- Đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch, giải pháp thực hiện phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển của Nhà trường.

- Báo cáo và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, Ban, Ngành quan tâm, hỗ trợ và đặt hàng nhiệm vụ để Nhà trường thực hiện thành công Chiến lược đề ra.

- Giới thiệu rộng rãi Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để các cơ quan, tổ chức, đối tác trong nước và quốc tế biết, chủ động hợp tác.

7.2. Ban Giám hiệu

- Phổ biến sâu rộng các nội dung của Chiến lược đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong Nhà trường.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường xây dựng, triển khai thực hiện Chiến lược của đơn vị phù hợp với định hướng và các nội dung của Chiến lược phát triển Nhà trường.

- Chủ động huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm đạt được các chỉ tiêu chiến lược đề ra.

- Kiến nghị Hội đồng trường điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của Nhà trường.

8. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

8.1. Phụ lục 1: Các chỉ tiêu cơ bản của của chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
1	**Về công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục**								
1.1	Quy mô người học theo trình độ đào tạo	người	11.500	13.000	15.000	17.500	20.200	23.500	Mục tiêu trở thành Đại học năm 2030: quy mô 15000 sinh viên
1.1.1	Đại học, liên thông và văn bằng 2	người	10.500	11.800	13.500	15.800	18.300	21.300	
1.1.2	Sau đại học	người	1.000	1.200	1.500	1.700	1.900	2.200	
1.2	Quy mô tuyển sinh	người	2.500	4.000	4.100	4.300	5.000	5.800	
-	Đại học, liên thông và văn bằng 2	người	2.000	3.200	3.200	3.400	4.000	4.600	
-	Sau đại học	người	500	800	900	900	1.000	1.200	
	Tỷ trọng quy mô tuyển sinh sau đại học bình quân giai đoạn	%/năm	20,00	20,00	21,95	20,93	20,00	20,69	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: tối thiểu 20% trong 03 năm gần nhất
1.3	Tỷ lệ sinh viên người nước ngoài đến học tập và trao đổi khoa học tại trường	%/năm	2	3	3	4	4	4	
1.4	Tỷ lệ ngành đào tạo đại học đạt tiêu chí chất lượng theo tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, khu vực và quốc tế	%	50	50	50	75	75	75	
1.5	Tỷ lệ ngành đang đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ so với tổng số ngành đang đào tạo cấp bằng	%	60	60	70	70	80	80	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: 50% trở lên so với tổng số ngành đang đào tạo cấp bằng

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
1.6	Số lượng ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ	ngành	15	18	20	22	24	26	Mục tiêu trở thành Đại học năm 2030: tối thiểu 10 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ
1.7	Số lượng bằng tiến sĩ tối thiểu cấp trung bình hàng năm	bằng/năm	20	20	25	25	30	30	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: 20 bằng/năm
1.8	Số lượng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học		2	8	10	12	14	16	
1.9	Tỷ lệ chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu so với tổng số chương trình đào tạo	%	100	100	100	100	100	100	
1.10	Mở ngành, chuyên ngành đào tạo (mục tiêu hoàn thành: x)								
a	**Trình độ đại học**								
a.1	*Ngành*								
1	Khoa học máy tính			x					
2	Khoa học dữ liệu		x						
3	Kỹ thuật phần mềm			x					
4	Mạng máy tính và truyền thông			x					
5	Hệ thống thông tin			x					
6	Quản lý và tái chế phế thải công nghiệp			x					Năm 2022
7	Bảo hộ lao động		x						
8	Kỹ thuật an toàn công trình			x					
9	Kỹ thuật vật liệu			x					
10	Kỹ thuật mỏ			x					
11	Công nghệ khí			x					Năm 2022
12	Quản lý năng lượng			x					Năm 2023

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
13	Kỹ thuật Cơ điện tử		x						
14	Kỹ thuật ô tô			x					Năm 2022
15	Kỹ thuật Cơ khí động lực		x						
16	Robot và Trí tuệ nhân tạo		x						
17	Năng lượng tái tạo			x					Năm 2023
18	Kỹ thuật nhiệt			x					Năm 2024
19	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		x						
20	Ngôn ngữ Anh		x						
21	Khoa học vật liệu và công nghệ nano			x					
22	Công nghệ hóa học			x					
23	Công nghệ hóa dược			x					
24	Công nghệ hóa sinh			x					
25	Quản lý tài nguyên và môi trường			x					
26	Môi trường và an toàn lao động			x					
27	Công nghệ kỹ thuật môi trường			x					
28	Khoa học môi trường			x					
29	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		x						
30	Xây dựng CTN thành phố và hệ thống tàu điện ngầm		x						
31	Quản lý xây dựng			x					Năm 2022
32	Xây dựng công trình ngầm			x					Năm 2022
33	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng			x					Năm 2022
34	Công nghệ kỹ thuật VLXD			x					Năm 2023
35	Quản lý rủi ro thiên tai			x					Năm 2023
36	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản			x					Năm 2022
37	Quản lý biển đảo và đới bờ			x					Năm 2023
38	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng			x					Năm 2024
39	Quản lý công nghiệp		x						

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
40	Luật Kinh tế		x						
41	Marketing			x					Năm 2024
42	Thương mại điện tử			x					Năm 2024
43	Quản trị du lịch			x					
44	Kỹ thuật Tài nguyên nước		x						
45	Du lịch địa chất		x						
46	Quản lý đô thị			x					Năm 2023
47	Ngọc học và chế tác đá quý		x						
a.2	*Chuyên ngành*								
1	Công trình dầu khí		x						
2	Quản lý phát triển mỏ dầu khí			x					Năm 2022
3	Kỹ thuật Hóa dược và Hợp chất thiên nhiên		x						
4	Hóa tính toán và mô phỏng			x					Năm 2023
5	Kỹ thuật Hóa sinh			x					Năm 2022
6	Kỹ thuật Polyme		x						
7	Kỹ thuật Vật liệu			x					Năm 2022
8	Địa vật lý đô thị		x						
9	Kinh tế xây dựng			x					Năm 2022
10	Tin học xây dựng			x					Năm 2022
11	Logistics và QT chuỗi cung ứng			x					Năm 2022
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			x					
13	Marketing và truyền thông		x						
14	Phân tích kinh doanh			x					Năm 2022
b	**Trình độ thạc sĩ**								
1	Kỹ thuật xây dựng		x						
2	Công nghệ thông tin			x					Năm 2023
3	Khoa học dữ liệu				x				
4	Quản lý và tái chế phế thải công nghiệp				x				

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
5	Bảo hộ lao động				x				
6	Kỹ thuật an toàn công trình					x			
7	Kỹ thuật vật liệu				x				
8	Kỹ thuật năng lượng				x				
9	Tìm kiếm thăm dò dầu khí			x					Năm 2024
10	Kỹ thuật Cơ điện tử				x				Năm 2028
11	Kỹ thuật ô tô				x				Năm 2028
12	Kỹ thuật Cơ khí động lực				x				Năm 2028
13	Quản lý tài nguyên và môi trường			x					Năm 2024
14	Môi trường và an toàn lao động			x					Năm 2024
15	Kỹ thuật Xây dựng			x					Năm 2022
16	Quản lý xây dựng			x					Năm 2024
17	Quản lý rủi ro thiên tai			x					
18	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản			x					
19	Kế toán			x					Năm 2024
20	Quản trị kinh doanh			x					Năm 2024
21	Địa kỹ thuật xây dựng			x					
22	Quản lý tài nguyên thiên nhiên			x					
23	Kỹ thuật Tài nguyên nước			x					
c	**Trình độ tiến sĩ**								
1	Địa tin học		x						
2	Công nghệ thông tin			x					
3	Khoa học dữ liệu				x				
4	Quản lý và tái chế phế thải công nghiệp					x			
5	Bảo hộ lao động					x			
6	Kỹ thuật an toàn công trình					x			
7	Kỹ thuật vật liệu					x			
8	Kỹ thuật năng lượng				x				

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
9	Kỹ thuật hóa học		x						
10	Kỹ thuật Cơ điện tử				x				
11	Kỹ thuật ô tô				x				
12	Kỹ thuật Cơ khí động lực				x				
13	Kỹ thuật môi trường		x						
14	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm		x						
15	Kỹ thuật xây dựng			x					
16	Quản lý đất đai			x					Năm 2023
17	Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý		x						
18	Quản trị kinh doanh			x					
19	Kỹ thuật Tài nguyên nước			x					
1.11	Chương trình chất lượng cao (trình độ đại học)								
a	**Ngành**								
1	Công nghệ thông tin		x						
2	Khoa học máy tính			x					
3	Khoa học dữ liệu			x					
4	Mạng máy tính và truyền thông				x				
5	Hệ thống thông tin					x			
6	Bảo hộ lao động			x					Năm 2024
7	Kỹ thuật mỏ			x					Năm 2022
8	Kỹ thuật dầu khí		x						
9	Công nghệ kỹ thuật hóa học			x					
10	Quản lý xây dựng			x					Năm 2023
11	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ			x					Năm 2023
12	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng				x				
13	Kế toán			x					Năm 2022
b	**Chuyên ngành**								
1	Khai thác hầm lò		x						

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp			x					Năm 2023
2	**Về công tác khoa học công nghệ, hợp tác trong và ngoài nước**								
2.1	Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường	%/năm	8	15	16	17	18	19	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: trong 03 năm gần nhất 15% tổng thu
2.2	Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus trong Trường	bài/năm	115	180	246	306	378	456	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: trong 03 năm gần nhất công bố ít nhất 100 bài ISI, Scopus
2.3	Tỷ lệ trung bình số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus đối với mỗi giảng viên cơ hữu	bài/năm	0,22	0,30	0,32	0,34	0,36	0,38	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: trong 03 năm gần nhất đạt tỷ lệ 0,3 bài ISI, Scopus trên 01 giảng viên cơ hữu
3	**Về công tác tổ chức cán bộ**								
3.1	Tổng số cán bộ, viên chức		738	790	990	1100	1250	1450	
a	Giảng viên cơ hữu	người	515	600	770	900	1050	1200	
	Tiến sĩ, tiến sĩ KH	người	197	325	425	500	625	725	
	Giáo sư, Phó GS	người	55	90	115	135	155	180	
	Thạc sĩ	người	262	185	230	265	270	295	
	Đại học	người	1	-	-	-	-	-	
b	Nhân viên hành chính		223	190	220	200	200	250	
	Tỷ lệ so với tổng số cán bộ, viên chức	%	30,2	24,1	22,2	18,2	16,0	17,2	

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
	Trình độ Đại học trở lên	%	90	100	100	100	100	100	
	Bồi dưỡng về quản lý	%	3	3	3	5	5	5	
3.2	Tỷ lệ cán bộ QL/CBGD		1/5	1/6	1/6	1/8	1/8	1/9	
3.3	Tỷ lệ tối đa sinh viên trên giảng viên		22	22	19,5	19,4	19,2	19,6	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: tỷ lệ sinh viên trên giảng viên cơ hữu không quá 20
3.4	Tỷ lệ tối thiểu giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ so với tổng số giảng viên cơ hữu	%	49	69	70	71	74	75	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: giảng viên có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 50% tổng số giảng viên cơ hữu
3.5	Tỷ lệ giảng viên có chức danh GS, PGS so với tổng giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ	%	22	22	21	21	20	20	Mục tiêu cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu: giảng viên có trình độ GS, PGS không thấp hơn 20% tổng số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ
3.6	Giảng viên hợp đồng, thỉnh giảng	người	50	75	100	120	140	160	
3.7	Tiêu chuẩn chất lượng								
	Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài	%	5 - 10	10 - 15	15 - 20	25 - 30	30 - 35	35 - 40	
	Sử dụng phần mềm ứng dụng, internet	%	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ giảng viên nghiên cứu khoa học công nghệ	%	100	100	100	100	100	100	

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
3.8	Thành lập Viện, Trường trực thuộc		1. Trường các Khoa học Trái đất và Môi trường. 2. Trường Kỹ thuật và Công nghệ. 3. Trường Công nghệ thông tin và truyền thông. 4. Viện Khoa học công nghệ cao.						+ Điều kiện để chuyển trường đại học thành đại học: Có ít nhất 03 trường thuộc trường đại học được thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều này; có ít nhất 10 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ; có quy mô đào tạo chính quy trên 15.000 người. + Trường Kỹ thuật và Công nghệ gồm các ngành Mỏ, Xây dựng, Cơ điện. + Trường công nghệ thông tin và truyền thông gồm các ngành công nghệ thông tin, địa tin học …
			1. Trường Kinh tế và Quản lý 2. Viện năng lượng và vật liệu mới 3. Viện đào tạo quốc tế						
4	**Về công tác tài chính**								
4.1	Chi phí đào tạo	trđ/sv.năm	20,00	26,50	39,00	52,50	70,00	90,00	
4.2	Đầu tư cơ sở vật chất	trđ	39.000	59.000	100.000	155.000	240.000	360.000	
4.3	Học phí bình quân	trđ/sv.năm	16,50	26,50	39,00	52,50	70,00	90,00	
4.4	Tốc độ tăng thu nhập bình quân cán bộ, viên chức và người lao động tối thiểu hàng năm	%	10	10	10	12	12	12	
4.5	Mức tự đảm bảo tối thiểu kinh phí chi thường xuyên	%	65	106	105	103	102	102	

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Mục tiêu						Ghi chú
			2021	2025	2030	2035	2040	2045	
4.6	Tổng thu	tỷ đồng	170	460	760	1.200	1.800	2.700	
-	trong đó thu từ các hoạt động KHCN	tỷ đồng	14,0	70,0	120,0	205,0	325,0	515,0	
4.7	Tổng chi	tỷ đồng	240	360	615	960	1.500	2.200	
5	**Về cơ sở vật chất và dự án**								
5.1	Diện tích đất tối thiểu cho 01 sinh viên	m^2/sv	9,70	8,60	7,40	12,00	10,25	8,85	
5.2	Giá trị đầu tư CSVC cho 01 sinh viên	trđ/sv	3,25	4,30	6,30	8,50	11,50	14,50	

8.2. Phụ lục 2: Quyết định về việc thành lập Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

THỦ THỦ TƯỚNG

Số 147-CP

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

064

NS/2

Hà-nội, ngày 8 tháng 8 năm 1966

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
V/v thành lập trường Đại học mỏ và địa chất

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nhu cầu của Nhà nước về việc đào tạo cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế ngành mỏ và ngành địa chất có trình độ đại học,

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, công văn số 29-KH ngày 9 tháng 5 năm 1966, sau khi có sự thỏa thuận của ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, công văn số 688-UB/VH ngày 9 tháng 6 năm 1966,

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 27 tháng 7 năm 1966 của thường vụ Hội đồng Chính phủ,

Căn cứ nghị định số 171-CP ngày 20 tháng 11 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ về quy chế các trường đại học và trung học chuyên nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1.- Nay tách khoa mỏ và địa chất khỏi trường Đại học bách khoa để thành lập trường "Đại học mỏ và địa chất" thuộc quyền quản lý của Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp.

Điều 2.- Trường Đại học mỏ và địa chất có nhiệm vụ :

a) Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế có trình độ đại học cho các ngành thăm dò địa chất, khai thác mỏ, đo đạc - bản đồ, theo các hình thức :

- Dài hạn tập trung ban ngày,
- Chuyên tu tập trung ban ngày,
- Tại chức (học ban đêm, học bằng thư).

b) Giúp các trường trung học chuyên nghiệp ngành mỏ và ngành địa chất bồi túc nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên và biên soạn tài liệu giảng dạy.

c) Nghiên cứu khoa học mỏ và địa chất.

00065

- 2 -

Điều 3.- Giao trách nhiệm cho Bộ Đại học và trung học chuyênnghiệp cung cấp thêm cán bộ giảng dạy các loại và những thiết bị cần thiết cho việc giảng dạy, học tập và nghiêncứu của trường Đại học mỏ và địa chất.

Điều 4.- Trường Đại học mỏ và địa chất do một Hiệu trưởng phụ trách, Giúp việc Hiệu trưởng có một hoặc hai hiệu phó. Cán bộ lãnh đạo trường do 2 Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Công nghiệp nặng cung cấp.

Điều 5.- Ông Bộ trưởng Bộ Đại học và trung học chuyênnghiệp, ông Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

T/M HOI DONG CHINH PHU
K/T THU TUONG CHINH PHU
PHO THU TUONG

Lê Thanh Nghị

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III
SAO Y BẢN CHÍNH
PHÔNG: Phủ Thủ tướng
HỒ SƠ SỐ: 1176 TRANG SỐ: 64 - 65
Hà nội, Ngày 04 tháng 12 năm 2006
GIÁM ĐỐC

Vũ Xuân Hường

8.3. Phụ lục 3: Quyết định về việc thành lập Ban và các Tiểu ban xây dựng chiến lược Trường Đại học Mỏ - Địa chất

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 20 /QĐ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Ban và các Tiểu ban xây dựng "Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn 2045"

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 16/01/2018 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐT ngày 27/4/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc thành lập Ban và các Tiểu ban xây dựng "Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045"

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban và các Tiểu ban xây dựng **"Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn 2045"** gồm các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban và các Tiểu ban được kiện toàn ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đã ghi trong danh sách kèm theo bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu để trình Hội đồng Trường thông qua. Ban và các Tiểu ban tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 08/QĐ-HĐT ngày 27/4/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Thành viên Hội đồng trường, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/cáo);
- BGH (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- E-OFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB, HĐT(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Trần Xuân Trường

DANH SÁCH KIỆN TOÀN VÀ NHIỆM VỤ BAN XÂY DỰNG
"CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
GIAI ĐOẠN 2020 - 2030 VÀ TẦM NHÌN 2045"

(Kèm theo Quyết định số: 20 /QĐ-HĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020)

I. Các thành viên

1. Ông Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng Trường — Trưởng ban;
2. Ông Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường — Phó Trưởng ban;
3. Ông Bùi Xuân Nam, P. Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường — Phó Trưởng ban;
4. Ông Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng, thành viên HĐT — Phó Trưởngban T.trực;
5. Ông Đỗ Văn Bình, Trưởng khoa MT, Thư ký HĐ trường — Ủy viên, Thư ký;
6. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, TP.TCCB, Thành viên HĐT — Ủy viên, Thư ký;
7. Ông Hoàng Anh Dũng, Chủ tịch CĐ trường, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
8. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Phó Bí thư phụ trách ĐTN trường — Ủy viên;
9. Ông Ngô Xuân Thành, Phó TK KH&KT Địa chất, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
10. Bà Nhữ Thị Kim Dung, Phó trưởng phòng Đào tạo SĐH, thành viên HĐT — Ủy viên;
11. Ông Phạm Việt Khoa, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
12. Ông Nguyễn Tiến Cường, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
13. Ông Cảnh Chí Dũng, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
14. Ông Nguyễn Quốc Thập, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
15. Ông Nguyễn Văn Nguyên, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
16. Ông Vũ Thành Lâm, thành viên HĐ trường — Ủy viên;
17. Ông Lê Hồng Anh, TK Công nghệ thông tin, Thành viên HĐ trường — Ủy viên;
18. Ông Khổng Cao Phong, Trưởng khoa Cơ điện, Thành viên HĐ trường — Ủy viên;
19. Ông Nguyễn Thế Vinh, Trưởng khoa Dầu khí, Thành viên HĐ trường — Ủy viên;
20. Ông Công Tiến Dũng, Trưởng khoa KHCB, Thành viên HĐ trường — Ủy viên;
21. Ông Đỗ Ngọc Anh, Trưởng phòng KHCN, Thành viên HĐ trường — Ủy viên;
22. Ông Nguyễn Cao Khải, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh — Ủy viên;
23. Ông Trần Xuân Hà, Chủ tịch Hội Cựu giáo chức — Ủy viên;
24. Ông Lê Xuân Thành, Trưởng phòng Công tác CT - SV — Ủy viên;
25. Ông Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở vật chất — Ủy viên;
26. Ông Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng ĐBCLGD — Ủy viên;
27. Ông Nguyễn Đức Khoát, Trưởng phòng Đào tạo Đại học — Ủy viên;
28. Ông Lương Quang Khang, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học — Ủy viên;
29. Bà Nguyễn Thị Hoài Nga, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế — Ủy viên;
30. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính — Ủy viên;
31. Ông Nguyễn Việt Hà, Trưởng phòng Quan hệ CC&DN — Ủy viên;
32. Ông Bùi Trường Sơn, Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp — Ủy viên;
33. Ông Nguyễn Viết Nghĩa, Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Xuất bản — Ủy viên;
34. Ông Nguyễn Gia Khuê, Phó GĐ Phụ trách Ban Quản lý các dự án — Ủy viên;
35. Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ — Ủy viên;
36. Ông Diêm Công Hoàng, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học — Ủy viên;
37. Ông Bùi Hoàng Bắc, Giám dốc Trung tâm PT, TN Công nghệ cao — Ủy viên;

38. Ông Lê Văn Hưng, Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện — Ủy viên;
39. Bà Đỗ Thúy Mai, Trưởng Trạm Y tế — Ủy viên;
40. Ông Công Ngọc Thắng, Phó Chánh VP phụ trách VP CTTT — Ủy viên;
41. Ông Phạm Văn Hòa, Trưởng khoa Mỏ — Ủy viên;
42. Bà Trần Thị Phúc An, Trưởng khoa Lý luận chính trị — Ủy viên;
43. Bà Bùi Thị Thu Thủy, Trưởng khoa Kinh tế & QTKD — Ủy viên;
44. Ông Lê Đức Tình, Trưởng khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ — Ủy viên;
45. Ông Nguyễn Tiến Dũng, Trưởng khoa KH và KT Địa chất — Ủy viên;
46. Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng Khoa Giáo dục quốc phòng — Ủy viên;
47. Ông Đặng Trung Thành, Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Xây dựng — Ủy viên.

II. Nhiệm vụ

1. Tổ chức, chỉ đạo lập kế hoạch, triển khai xây dựng "Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045" bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, chất lượng và tiến độ. Thời gian xây dựng "Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045" **từ ngày 04/5/2020 đến ngày 15/9/2020.**

2. Trực tiếp chỉ đạo các Tiểu ban giúp việc triển khai nhiệm vụ và có thể huy động nhân lực tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường trong thời gian xây dựng "Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045". Ban được sử dụng kinh phí của Trường phục vụ công tác xây dựng Chiến lược theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

DANH SÁCH KIỆN TOÀN VÀ NHIỆM VỤ CÁC TIỂU BAN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN "CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2030 VÀ TẦM NHÌN 2045"

(Kèm theo Quyết định số: 20 /QĐ-HĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020)

I. Các thành viên

a. Tiểu ban Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

1. Ông Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng Trường — Trưởng tiểu ban;
2. Ông Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường — Phó Trưởng TB.thường trực;
3. Ông Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường — Phó Trưởng tiểu ban;
4. Ông Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng, thành viên HĐT — Phó Trưởng tiểu ban;
5. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng phòng TCCB, thành viên HĐT — Uỷ viên, Thư ký;
6. Ông Đỗ Văn Bình, Thư ký HĐ trường — Ủy viên;
7. Ông Hoàng Anh Dũng, Chủ tịch CĐ trường, thành viên HĐT — Ủy viên.
8. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Phó Bí thư phụ trách ĐTN trường, — Ủy viên;
9. Ông Nguyễn Cao Khải, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh — Ủy viên;
10. Ông Trần Xuân Hà, Chủ tịch Hội Cựu giáo chức — Ủy viên;
11. Ông Bùi Trường Sơn, Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp — Ủy viên;
12. Ông Đỗ Ngọc Anh, Trưởng phòng KHCN, thành viên HĐT — Ủy viên;
13. Ông Nguyễn Đức Khoát, Trưởng phòng Đào tạo đại học — Ủy viên;
14. Ông Lương Quang Khang, Trưởng phòng Đào tạo sau đại học — Ủy viên;
15. Bà Nguyễn Thị Hoài Nga, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế — Ủy viên;
16. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính — Ủy viên;
17. Ông Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở vật chất — Ủy viên.

b. Tiểu ban Tổ chức - Cán bộ

1. Ông Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu Trưởng, thành viên HĐ trường — Trưởng tiểu ban;
2. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng phòng TCCB, thành viên HĐT — Phó Trưởng tiểu ban;
3. Ông Vũ Duy Tấn, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ — Uỷ viên, Thư ký;
4. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính — Ủy viên;
5. Ông Hoàng Anh Dũng, Chánh VP Đảng - Đoàn thể, thành viên HĐT — Ủy viên;
6. Ông Bùi Trường Sơn, Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp — Ủy viên.

c. Tiểu ban Đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Ông Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường — Trưởng tiểu ban;
2. Ông Nguyễn Đức Khoát, Trưởng phòng Đào tạo đại học — Phó Trưởng TB TT;
3. Ông Lương Quang Khang, Trưởng phòng Đào tạo sau đại học — Phó Trưởng tiểu ban;
4. Ông Phạm Tuấn Cường, Phó Trưởng phòng Đào tạo đại học — Ủy viên, Thư ký;
5. Bà Nhữ Thị Kim Dung, Phó Trưởng phòng ĐT SĐH, thành viên HĐT — Ủy viên;
6. Ông Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở vật chất — Ủy viên;

7. Ông Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng ĐBCLGD — Ủy viên;
8. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính — Ủy viên;
9. Ông Bùi Trường Sơn, Chánh văn phòng đại diện trường — Ủy viên;
10. Ông Nguyễn Việt Hà, Trưởng phòng Quan hệ CC và DN — Ủy viên;
11. Ông Lê Xuân Thành, Trưởng phòng Công tác chính trị - Sinh viên — Ủy viên;
12. Ông Công Ngọc Thắng, Phó Chánh VP phụ trách VP CTTT — Ủy viên.
13. Ông Lê Hồng Anh, Trưởng khoa CNTT, thành viên HĐT — Ủy viên;
14. Ông Khổng Cao Phong, Trưởng khoa Cơ - Điện, thành viên HĐT — Ủy viên;
15. Ông Nguyễn Thế Vinh, Trưởng khoa Dầu khí, thành viên HĐT — Ủy viên;
16. Ông Công Tiến Dũng, Trưởng khoa Khoa học cơ bản, thành viên HĐT — Ủy viên;
17. Ông Nguyễn Tiến Dũng, Trưởng khoa Khoa học và KTĐC — Ủy viên;
18. Ông Phạm Văn Hòa, Trưởng khoa Mỏ — Ủy viên;
19. Ông Đỗ Văn Bình, Trưởng khoa Môi trường, Thư ký HĐT — Ủy viên;
20. Bà Trần Thị Phúc An, Trưởng khoa Lý luận chính trị — Ủy viên;
21. Bà Bùi Thị Thu Thủy, Trưởng khoa Kinh tế & QTKD — Ủy viên;
22. Ông Lê Đức Tình, Trưởng khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ — Ủy viên;
23. Ông Đỗ Ngọc Anh, Trưởng khoa Xây dựng — Ủy viên;
24. Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng — Ủy viên;
25. Ông Đặng Trung Thành, Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Xây dựng — Ủy viên.

d. Tiểu ban Khoa học - công nghệ và hợp tác trong và ngoài nước

1. Ông Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường — Trưởng tiểu ban;
2. Ông Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng, thành viên HĐT — PhóTrưởng TB TT;
3. Ông Đỗ Ngọc Anh, Trưởng phòng KHCN, thành viên HĐT — Phó Trưởng tiểu ban;
4. Ông Nguyễn Thạc Khánh, Phó Trưởng phòng KHCN — Uỷ viên, Thư ký;
5. Bà Nguyễn Thị Hoài Nga, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế — Ủy viên;
6. Ông Nguyễn Việt Hà, Trưởng phòng Quan hệ CC và DN — Ủy viên;
7. Ông Nguyễn Viết Nghĩa, Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Xuất bản — Ủy viên;
8. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo, chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế — Ủy viên;
9. Ông Lê Hồng Anh, Trưởng khoa CNTT, thành viên HĐT — Ủy viên;
10. Ông Khổng Cao Phong, Trưởng khoa Cơ - Điện, thành viên HĐT — Ủy viên;
11. Ông Nguyễn Thế Vinh, Trưởng khoa Dầu khí, thành viên HĐT — Ủy viên;
12. Ông Công Tiến Dũng, Trưởng khoa KHCN, thành viên HĐT — Ủy viên;
13. Ông Nguyễn Tiến Dũng, Trưởng khoa Khoa học và KTĐC — Ủy viên;
14. Ông Phạm Văn Hòa, Trưởng khoa Mỏ — Ủy viên;
15. Ông Đỗ Văn Bình, Trưởng khoa Môi trường, Thư ký HĐT — Ủy viên;
16. Bà Trần Thị Phúc An, Trưởng khoa Lý luận chính trị — Ủy viên;
17. Bà Bùi Thị Thu Thủy, Trưởng khoa Kinh tế & QTKD — Ủy viên;

18. Ông Lê Đức Tình, Trưởng khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ Ủy viên;
19. Ông Đặng Trung Thành, Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Xây dựng Ủy viên;
20. Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng Ủy viên.

e. Tiểu ban Cơ sở vật chất và dự án

1. Ông Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường Trưởng tiểu ban;
2. Ông Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở vật chất Phó Trưởng tiểu ban;
3. Ông Nguyễn Gia Khuê, Phó GĐ phụ trách Ban Quản lý các dự án Uỷ viên, Thư ký;
4. Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm dịch vụ Ủy viên;
5. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Ủy viên;
6. Ông Huỳnh Thanh Tùng, P.Trưởng phòng Cơ sở vật chất Ủy viên.

f. Tiểu ban Kế hoạch tài chính

1. Ông Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, thành viên HĐ trường Trưởng ban tiểu ban;
2. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Phó Trưởng tiểu ban;
3. Bà Phạm Thị Phương Chi, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Ủy viên, Thư ký;
4. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng phòng TCCB, thành viên HĐT Uỷ viên;
5. Ông Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở vật chất Ủy viên;
6. Ông Nguyễn Gia Khuê, Phó GĐ phụ trách Ban Quản lý các dự án Ủy viên;
7. Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm dịch vụ Ủy viên;
8. Ông Nguyễn Đức Khoát, Trưởng phòng Đào tạo Đại học Ủy viên;
9. Ông Lương Quang Khang, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học Ủy viên;
10. Ông Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục Ủy viên.

II. Nhiệm vụ

a. Tiểu ban Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Phân tích, đánh giá sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn 2030 và đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới (giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045).

b. Tiểu ban Tổ chức - Cán bộ

Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện công tác tổ chức - cán bộ trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn 2030; đề xuất, định hướng chiến lược công tác tổ chức cán bộ giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045.

c. Tiểu ban Đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục

Phân tích đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn 2030; đề xuất, định hướng chiến lược công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045.

d. Tiểu ban Khoa học - công nghệ và hợp tác trong và ngoài nước

Phân tích đánh giá kết quả thực hiện hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác trong và ngoài nước trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn 2030;

đề xuất, định hướng chiến lược công tác khoa học - công nghệ, hợp tác trong và ngoài nước giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045.

e. Tiểu ban Cơ sở vật chất và dự án

Phân tích đánh giá kết quả thực hiện công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, dự án khu đô thị đại học trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn 2030; đề xuất, định hướng chiến lược công tác xây dựng cơ sở vật chất và dự án giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045.

f. Tiểu ban Kế hoạch tài chính

Phân tích đánh giá kết quả thực hiện công tác kế hoạch tài chính trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn 2030; đề xuất, định hướng chiến lược công tác kế hoạch tài chính giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn 2045.

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC TẠI XÃ ĐÔNG NGẠC, XÃ CỔ NHUẾ, XÃ XUÂN ĐỈNH, HUYỆN TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(NAY LÀ PHƯỜNG ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG CỔ NHUẾ 2, PHƯỜNG XUÂN ĐỈNH, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

KHU VỰC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VÀ KHU KÝ TÚC XÁ DÙNG CHUNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

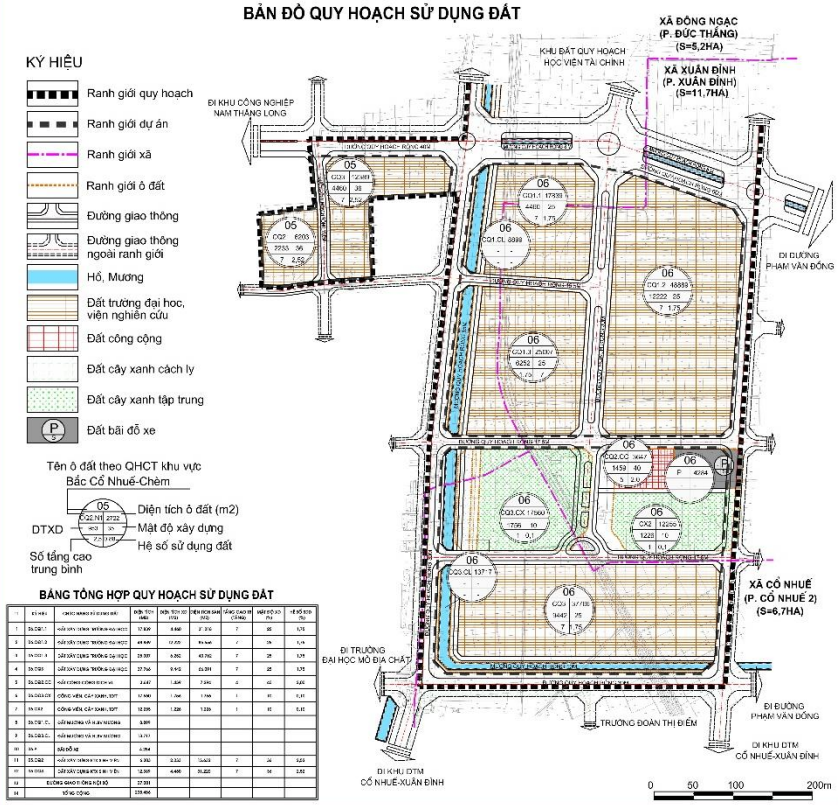

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
2	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
3	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
4	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
5	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
6	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
7	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
8	[illegible]	[illegible]	[illegible]					
9	[illegible]	[illegible]	[illegible]					
10	[illegible]	[illegible]	[illegible]					
11	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
12	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
13	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI HỒ		[illegible]					
14	TỔNG CỘNG		[illegible]					

PHỐI CẢNH TỔNG THỂ